TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QO** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tư do - Hạnh phúc

Bản án số: **97**/2021/ HNGĐ - ST
Ngày: 06/5/2021
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình;

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QO

Với Th phần Hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Duy Trí

- Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đức và bà Nguyễn Thị Hoa.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu – Thẩm tra viên chính Toà án nhân dân huyện QO, Thành phốHà Nội;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện QO tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên- Kiểm sát viên.

Ngày 06/5/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện QO xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 200/2020/TLST - HNGĐ ngày 13/10/2020 về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐST – HNGĐ ngày 20/4/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lưu Thị H**, sinh năm 1988; HKTT và nơi ở: Thôn Đồi 1, xã ĐP, huyện CM, Thành phốHà Nội. (Có mặt).

Bị đơn: Anh **Nguyễn Trung Th**, sinh năm 1972; HKTT: Thôn Lập Th, xã ĐX, huyện QO, Thành phốHà Nội; hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam số 1 Thạnh Hòa (Ấp 1, xã Thủy Tây, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An); (Vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Nguyên đơn:* Trong đơn khởi kiện ngày 09/10/2020, biên bản lấy lời khai ngày 13/10/2020 và quá trình tố tụng tại Toà án, chị Lưu Thị H trình bày: Về tình cảm của vợ chồng: Tôi kết hôn cùng với anh Th (địa chỉ như trên) vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đông Phương Yên, huyện Chương Mỹ, Thành phốHà Nội, ngày 22/02/2011, trên cơ sở tự nguyện, có sự tìm hiểu nhưng thời gian ngắn, kết hôn không bị ép buộc.

Sau cưới, hai vợ chồng ở riêng (tại xã Phú Mãn, huyện QO, Thành phố Hà Nội) được gần 01 năm thì hai vợ chồng về nhà đẻ tôi tại: Thôn Đồi 1, xã

Đông Phương Yên, huyện Chương Mỹ, Thành phốHà Nội để ở được khoảng hơn 01 năm. Đến tháng 7/2013, anh Th phạm tội "*Giết người", "Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng"* sau đó bỏ trốn vào Miền Nam được hơn 01 năm thì bị bắt và bị xét xử anh Th phải chấp hành hình phạt chung là 17 năm 06 tháng tù.

Quá trình vợ chồng chung sống được khoảng 02 năm cho tới khi anh Th vi phạm pháp luật. Trong khoảng thời gian chung sống vợ chồng cũng thỉnh thoảng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Th mải chơi và sống hết lòng với anh em bạn bè ngoài xã hội không để ý gì đến vợ con và anh Th nhiều lần đánh tôi (lý do tôi muốn xin ly hôn). Kể cả khi anh Th phạm tội cũng vì mâu thuẫn của anh em ngoài xã hội không phải mâu thuẫn của anh Th. Sau khi anh Th phạm tội và bỏ trốn vào Miền Nam, anh Th cũng có liên lạc với tôi và có lần tôi và con vào thăm anh Th nhưng anh chỉ động viên tôi bỏ anh Th để đi lấy người khác. Sau khi anh Th bị bắt tạm giam tại Trại giam số 1, Công an Thành phốHà Nội và thời gian chấp hành án tại Trại giam số 1 Thạnh Hòa, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An đến nay tôi nhiều lần đến thăm hỏi, gửi quà cho anh Th và hai vợ chồng tôi cũng nói chuyện nhiều về tình cảm vợ chồng, về gia đình. Tôi có đặt vấn đề ly hôn để ổn định cuộc sống, làm ăn, nuôi con và anh Th cũng nhất trí.

Thời gian vợ chồng chung sống cùng gia đình nhà đẻ tôi vợ chồng không phát triển được tài sản gì. Nghề nghiệp vợ chồng đều lao động tự do.

Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị tòa sớm giải quyết cho vợ chồng tôi được ly hôn để ổn định cuộc sống, nuôi dạy con chung và xin không hòa giải.

Về tài sản chung, công sức và nợ chung của vợ chồng: Tự thoả thuận, không đề nghị toà giải quyết.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Mạnh H, sinh 21/02/2014 (hiện đang ở với tôi). Ly hôn tôi xin được nuôi con. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết.

**Bị đơn:* Theo biên bản lấy lời khai ngày 06/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hòa, tỉnh Long An (Nơi anh Th chấp hành án), anh Nguyễn Trung Th cung cấp: Anh và chị H kết hôn ngày 22/02/2011, có tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới hạnh phúc được 02 năm thì mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống nên tôi không còn tình cảm với cô H và đồng ý ly hôn với cô H.

Về con chung: Chúng tôi có một con chung là Nguyễn Mạnh H, sinh ngày 02/02/2014. Hiện con chung đang sống với cô H. Khi ly hôn tôi đồng ý để cô H tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu tòa giải quyết.

Do tôi đang chấp hành án tại Trại giam Thạnh Hòa (Ấp 1, xã Thủy Tây, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An) nên tôi xin được vắng mặt trong các phiên hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử của Tòa án huyện QO, Thành phốHà Nội. Việc xin vắng mặt của tôi là tự nguyện, không bị ép buộc và không khiếu nại gì. Ngoài ra tôi không trình bày gì thêm.

Tại phiên toà, chị H vẫn giữ nguyên các yêu cầu như đã trình bày và đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn để sớm ổn định cuộc sống;

Anh Th do đang phải chấp hành án phạt tù tại Trại giam không có mặt tại phiên toà và đã có quan điểm về vụ án, đồng thời xin xét xử vắng vắng mặt.

*****Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà có quan điểm:

Về thẩm quyền thụ lý và quan hệ pháp luật giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện và các chứng cứ kèm theo xác định chị vân yêu cầu Tòa án nhân dân huyện QO giải quyết cho chị và anh Th được ly hôn. Như vậy Tòa án nhân dân huyện QO xác định quan hệ tranh chấp là quan hệ hôn nhân và gia đình đồng thời thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28, 29 và 35 BLTTDS.

Xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự: Thẩm phán đã xác định đúng và đầy đủ tư cách tham gia tố tụng của nguyên đơn, bị đơn theo Điều 68 BLTTDS.

Về thu thập tài liệu chứng cứ: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện QO đã tự mình tiến hành thu thập chứng cứ, theo đó Thẩm phán đã tiến hành lấy lời khai của nguyên đơn; ủy thác thu thập chứng cứ của bị đơn làm căn cứ giải quyết vụ án.

Thực hiện tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án nhân dân huyện QO đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo đúng quy định từ Điều 208 đến Điều 211 BL TTS.

Việc chấp hành thời hạn chuẩn bị xét xử: Vi phạm quy định tại Điều 203 Bộ luật TTDS.

Việc tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các quyết định cho đương sự và cho Viện kiểm sát cùng cấp; việc gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn qui định tại Điều 220 BLTTDS.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Về hôn nhân: Chị Lưu Thị H và anh Nguyễn Trung Th tìm hiểu tự nguyện, cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐP, huyện CM, Thành phốHà Nội ngày 22/02/2011. Ngay sau khi kết hôn vợ chồng chị H anh Th sống chung sống hạnh phúc cho tới khi anh Th thường xuyên vi phạm pháp luật. Đỉnh điểm là việc tháng 7/2013 anh Th phạm tội "Giết người", "Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng" sau đó bỏ trốn vào Miền

Nam lại phạm tội "Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng" bị xét xử và tổng hợp hình phạt (03 tội) anh Th phải chấp hành là 17 năm 06 tháng tù dẫn tới hai vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm gì đến nhau nữa, điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H, cho chị Lưu Thị H ly hôn với anh Nguyễn Trung Th;

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Mạnh H, sinh 21/02/2014. Khi ly hôn cả hai anh chị đều đồng thuận giao cháu Mạnh H cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công sức, công nợ**:** Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đề xuất: Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điểm a, khoản 1, Điều 35; Điểm b Khoản 1 Điều 39; Điều 144; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51; Điều 56; Điều 57 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H, cho chị Lưu Thị H ly hôn với anh Nguyễn Trung Th.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Mạnh H, sinh 21/02/2014 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu H đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng cho anh Th đến khi chị H có yêu cầu hoặc có quyết định thay đổi khác.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Chị Lưu Thị H không yêu cầu giải quyết nên không xét.

Về án phí, quyền kháng cáo: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Anh Nguyễn Trung Th, có HKTT tại: Thôn Lập Th, xã Đông Xuân, huyện QO, Thành phốHà Nội; hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam số 1 Thạnh Hòa (Ấp 1, xã Thủy Tây, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An) nên việc chị H có đơn xin ly hôn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện QO giải quyết việc ly hôn là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đều có mặt; bị đơn hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam số 1 Thạnh Hòa,

tỉnh Long An và đã được Tòa án Thông báo thụ lý vụ án, có quan điểm về nội dung vụ án và xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Th theo quy định của pháp luật.

Về hôn nhân: Xét về quan hệ hôn nhân giữa chị Lưu Thị H và anh Nguyễn Trung Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có sự tìm hiểu, không bị ép buộc và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đông Phương Yên, huyện Chương Mỹ, Thành phốHà Nội, ngày 22/02/2011. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống: Chị H và anh Th hoà thuận hạnh phúc được thời gian khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính do hai bên bất đồng về quan điểm sống; anh Th không để ý gì đến chị H và con chung nhưng lại hết lòng với anh em bạn bè ngoài xã hội, dẫn đến phạm tội "Giết người","Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng"; quá trình điều tra anh Th cũng xác nhận về tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn chị H đồng thời xin xét xử vắng mặt. Từ những lý do trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa chị H và anh Th không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận đơn xơn ly hôn của chị H và cho chị H được ly hôn anh Th là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Mạnh H, sinh 21/02/2014 (hiện cháu H đang ở với chị H) ly hôn chị H xin được nuôi con và không đề nghị góp phí tổn nuôi con. Anh Th đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam số 1 Thạnh Hòa, tỉnh Long An không đủ điều kiện để nuôi con. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy: Để đảm bảo quyền lợi của con chung. Ly hôn, cần tiếp tục giao cháu H cho chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cho đến khi con chung trưởng Th (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác. Về góp phí tổn nuôi con: Do anh Th đang chấp hành án phạt tù, chị H không yêu cầu góp phí tổn nuôi con nên cần tạm hoãn nghĩa vụ góp phí tổn nuôi con cho anh Th, cho đến khi có yêu cầu hoặc có quyết định thay đổi khác.

Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa giải quyết.

Về án phí: Chị Lưu Thị H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm; chị H, anh Th có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144, 147, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Xử :

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Lưu Thị H đối với anh Nguyễn Trung Th;

1.1. Về hôn nhân: Chị **Lưu Thị H** được ly hôn với anh **Nguyễn Trung Th**.

1.2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Mạnh H, sinh 21/02/2014. Giao con Thành phố cho chị Lưu Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cho đến khi con chung trưởng Th (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác. Anh Th có quyền đi lại chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở;

1.3. Về góp phí tổn nuôi con: Tạm hoãn nghĩa vụ góp phí tổn nuôi con cho anh Th cho đến khi có yêu cầu hoặc có quyết định thay đổi khác.

1.4. Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa giải quyết.

2. Về án phí: Chị Lưu Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011243 ngày 13/10/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện QO.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Lưu Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Nguyễn Trung Th được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND Thành phốHà Nội;*
- *VKS ND huyện QO;*
- *THA DS huyện QO;*
- *UBND xã ĐP, CM;*
- *UBND xã ĐX, QO;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Duy Trí